

Quyết định số: 02/2019/HS-GĐT
Ngày 05 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Quang

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: - Ông Trần Văn Tuấn;

- Bà Bùi Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Quỳnh Trang – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Tư Quỳnh và bà Nguyễn Thị Thanh Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Nguyễn Đức D, sinh năm 1959; ĐKNKTT và cư trú tại xóm 1, L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Hợp tác xã DVNN B; con ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Ph (đều đã chết); có vợ Trần Thị H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19-01-2017.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1987; ĐKNKTT và cư trú tại Xóm 1, L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên kế toán trưởng HTXDVNN B; con ông Nguyễn Trọng M và bà Lê Thị V; có chồng là Trần Trọng T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

3. Trần Xuân T, sinh năm 1958; ĐKNKTT và cư trú tại xóm G, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng kiểm soát HTXDVNN B; con ông Trần Đắc Ch và Trần Thị H (đều đã chết); có vợ là Trần Thị Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

4. Trần Ngọc H sinh năm 1961; ĐKNKTT và cư trú tại xóm H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Phó chủ nhiệm HTXDVNN B;

con ông Trần Ngọc V và bà Trần Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Th và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19-01-2017.

5. Trần Văn Ch sinh năm 1960; ĐKNKTT và cư trú tại Xóm 1, L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên là Trưởng xóm; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị Th; có vợ là Trần Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

6. Trần Văn Đ sinh năm 1958; ĐKNKTT và cư trú tại Xóm 2, L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng xóm 2, L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị Phong và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung tài liệu có trong hồ sơ, Bản án hình sự sơ thẩm và Bản án hình sự phúc thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2009 đến năm 2016, Ban lãnh đạo Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B (viết tắt “HTX.B”) gồm: Nguyễn Đức D - Chủ nhiệm/Giám đốc, Trần Ngọc H – Phó chủ nhiệm/ Phó giám đốc, Nguyễn Thị B – kế toán trưởng; Trần Xuân T – Trưởng ban kiểm soát. HTX.B có 06 tổ dịch vụ: Xóm 1 L do Trần Văn Ch là tổ trưởng; xóm 2 L do Trần Văn Đ là tổ trưởng; xóm H do ông Trần Ngọc M là tổ trưởng (từ 2004 – 2012) và ông Nguyễn Văn V là tổ trưởng (từ 2012 – 2017); xóm S do ông Trần Ngọc L là tổ trưởng; xóm G do ông Trần Mạnh H5 là tổ trưởng; xóm Nhì do ông Trần Văn B1 là tổ trưởng.

Ngày 11-9-2009, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND (viết tắt QĐ.27) và Quyết định số 84/2013/QĐ-UBND ngày 24-12-2013 (viết tắt QĐ.84) về việc cấp kinh phí hỗ trợ bơm tát ngoài vùng (viết tắt “bơm bù”) trên địa bàn tỉnh Hà Nam (bl 32-44). Thực hiện QĐ.27 và QĐ.84, hàng năm Phòng NN&PTNT huyện L (Bên A) và HTX.B (Bên B) đã ký kết các Hợp đồng đặt hàng (viết tắt “HĐ”) gồm: HĐ.04 ngày 16-12-2010; HĐ.03 ngày 01-8-2011; HĐ.10 ngày 04-01-2013; HĐ.09 ngày 06-01-2014; HĐ.02 ngày 06-01-2015. Các HĐ đều có nội dung thỏa thuận chủ yếu sau đây: *Điều 2: Bên A có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính lập kế hoạch về nguồn kinh phí hỗ trợ, thực hiện việc thanh toán và kiểm tra, giám sát theo quy định...Bên B có trách nhiệm vận hành hệ thống tưới tiêu đúng quy trình; sử dụng kinh phí đúng mục đích, lập quyết toán đúng quy định; vận hành các trạm bơm, máy bơm do bên B quản lý để tưới tiêu nước cho diện tích quy định tại Điều 1; Điều 3: sau khi HĐ đặt hàng được ký, Bên B tiếp tục ký hợp đồng tưới tiêu với các tổ trưởng, bên A tạm ứng 50% kinh phí khi Nhà nước tạm cấp đợt I vào thời điểm kết thúc sản xuất vụ Đông xuân; khi có báo cáo tình hình thực hiện HĐ giữa năm,*

bên A tạm ứng tiếp 40% giá trị HĐ vào thời điểm cuối quý III trong năm; kết thúc các vụ và năm, hai bên thực hiện nghiệm thu tổng thể làm cơ sở cho thanh lý HĐ; khi HĐ được nghiệm thu, thanh lý, bên A thực hiện thanh toán nốt tương ứng với khối lượng được nghiệm thu thanh toán cuối năm.

Kết thúc các HĐ đặt hàng trên đây, giữa bên A và bên B có tiến hành lập Biên bản thanh lý HĐ (viết tắt “TLHĐ”) gồm: TLHĐ.06 ngày 10-12-2010 giá trị 82.324.000đ; TLHĐ.08 ngày 16-11-2011 giá trị 101.897.000đ; TLHĐ.09 ngày 15-12-2012 giá trị 101.897.000đ; TLHĐ.05 ngày 26-12-2013 giá trị 112.072.000đ; TLHĐ.12 không ngày, tháng năm 2014 giá trị 110.643.000đ; TLHĐ.03 ngày 14-12-2015 giá trị 110.693.000đ.

Theo kết quả điều tra và Kết luận giám định số 07/PC54 ngày 20-4-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam đã xác định: Quá trình thực hiện các HĐ đặt hàng từ năm 2009 - 2015, một số lãnh đạo HTX.B (bên B) trên đây cùng với một số đối tượng khác không tổ chức thực hiện việc bơm bù theo đúng khối lượng trong các HĐ đặt hàng nhưng đã xác lập chứng từ và quyết toán không khối lượng để Phòng NNPTNT (bên A) nghiệm thu và thanh toán 83.239.000đ cho HTX.B rồi sau đó chiếm đoạt và sử dụng. Ngoài ra, Nguyễn Đức D còn giả mạo hồ sơ để chiếm đoạt 2.842.000đ và Trần Xuân T đã tạo lập hồ sơ để chiếm đoạt 3.225.000đ của HTX.B là số tiền phải thanh toán trả tiền công bơm tát ngoài vùng cho ông Nguyễn Tuấn Anh. Quá trình điều tra, các bị cáo và những người liên quan đều khai nhận rõ hành vi của mình như đã nêu trên đây và tự nguyện giao nộp lại số tiền đã chiếm, hưởng gồm: Nguyễn Đức D nộp 50.076.000đ; Nguyễn Thị B nộp 10.000.000đ; Trần Văn Ch nộp 8.306.000đ; Trần Văn Đ nộp 8.800.000đ; ông Trần Ngọc L nộp 6.057.000đ. Nguyễn Đức D đã trả lại 2.842.000đ và Trần Xuân T đã trả lại 3.225.000đ cho ông Nguyễn Tuấn Anh.

Cáo trạng số 61/KSĐT-KT ngày 21-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Đức D, Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thị B, Trần Xuân T, Trần Văn Ch, Trần Văn Đ đều về tội *Tham ô tài sản* quy định tại khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 21-12-2017, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 08 năm tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278; điểm p, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 07 năm tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Thị B mỗi bị cáo 05 năm tù, các bị cáo Trần Văn Ch, Trần Văn Đ mỗi bị cáo 03 năm tù đều về tội *Tham ô tài sản*.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị B, Trần Xuân T, Trần Văn Ch, Trần Văn Đ đều có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 03-01-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam ký Quyết định số 01/QĐ-VKS-KNPT kháng nghị Bản án sơ thẩm trên đây, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho các bị cáo Trần Văn Ch, Trần Văn Đ được hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2018/HSPT ngày 17-5-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Ch, Trần Văn Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B, Trần Xuân T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278; các điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (đối với các bị cáo); khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Bích, Tươi) xử phạt Nguyễn Thị B 04 năm 06 tháng tù; Trần Xuân T 04 năm 06 tháng tù; Trần Văn Ch 03 năm tù; Trần Văn Đ 03 năm tù đều về tội *Tham ô tài sản*.

Ngày 22-10-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ký Quyết định số 19/20QĐ-VC1-HS kháng nghị với nội dung: Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2018/HSPT ngày 17-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Bản án hình sự sơ thẩm 78/2017/HSST ngày 21-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật với lý do: “*..Chưa điều tra làm rõ và xác định việc các thành viên HTX.B bàn bạc, thống nhất sử dụng như thế nào? hành vi ký không chứng từ cụ thể của từng bị cáo liên quan đến số tiền Dự và Tươi chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn Anh; khoản tiền chi vào việc tham quan, nghỉ mát và khoản tiền chi cho các tổ dịch vụ, làm cơ sở việc xác định chính xác tội danh của từng bị cáo đã phạm tội “Tham ô tài sản”, “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” hay Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”?

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thay đổi một phần nội dung Quyết định kháng nghị, xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”, đề nghị giảm hình phạt đối với Trần Đức D từ 08 năm tù xuống còn 07 năm tù; Trần Ngọc H từ 07 năm tù xuống còn 06 năm tù; Nguyễn Thị B và Trần Xuân T từ 04 năm 06 tháng tù xuống còn 03 năm 06 tháng tù; Trần Văn Ch và Trần Văn Đ từ 03 năm tù

xuống còn 01 năm tù đều về tội danh trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận thay đổi nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xác định địa vị pháp lý và quan hệ pháp luật điều chỉnh HĐ đặt hàng giữa Phòng NN&PTNT huyện L với HTX.B.

Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 11-3-2005 của Chính phủ; Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 14-3-2008 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 11/2009/BTC của Bộ Tài chính; Khoản 1 Điều 6 QĐ.27; khoản 1 Điều 8 QĐ.84 của UBND tỉnh Hà Nam hướng dẫn việc đặt hàng bơm bù, cấp phát thanh quyết toán đối với các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ngoài vùng (viết tắt “HTX ngoài vùng”) như sau: *UBND tỉnh giao UBND huyện ủy quyền cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện căn cứ vào Dự toán đã được phê duyệt ký kết Hợp đồng đặt hàng với các HTX ngoài vùng. Căn cứ các điều khoản trong Hợp đồng đã ký, các đơn vị quản lý thủy nông chủ động tổ chức thực hiện Hợp đồng đã ký. Sau mỗi đợt tưới, phải tổ chức nghiệm thu. Sau mỗi vụ phải tổ chức nghiệm thu tổng thể, làm cơ sở cho thanh lý Hợp đồng cuối năm.* Với quy định trên, có căn cứ xác định:

[1.1] Địa vị pháp lý của Phòng NN&PTNT huyện L là đơn vị hành chính cấp dưới nhận ủy quyền của đơn vị hành chính cấp trên là UBND huyện L và UBND tỉnh Hà Nam tiếp nhận và quản lý kinh phí bơm bù; xây dựng dự toán kế hoạch; ký kết HĐ đặt hàng, kiểm tra giám sát HTX B trong việc thực hiện HĐ đặt hàng; tiến hành nghiệm thu, thanh lý và thanh toán cho HTX B. Cơ cấu, cơ chế hoạt động và mối quan hệ nhận ủy quyền trên đây của Phòng NN&PTNT huyện L chịu sự điều chỉnh của quan hệ pháp luật hành chính.

[1.2] Địa vị pháp lý của HTX.B là một tổ chức kinh tế độc lập. Cơ cấu và cơ chế hoạt động của HTX.B hoạt động theo Luật Hợp tác xã điều chỉnh.

[1.3] Các HĐ đặt hàng được xác định là hợp đồng kinh tế ký kết giữa hai pháp nhân, (bên A) là Phòng NN&PTNT huyện L và (bên B) là HTX.B. Đây là quan hệ pháp luật do pháp luật hợp đồng kinh tế điều chỉnh. Về nguyên tắc, nếu thực hiện đúng HĐ đặt hàng đã ký thì HTX.B phải có nghĩa vụ bơm bù đủ khối lượng, đồng thời HTX.B cũng được hưởng quyền lợi 100% tiền công bơm bù theo thỏa thuận ghi trên HĐ đặt hàng. Trước khi ký HĐ đặt hàng, kinh phí bơm bù là tiền thuộc ngân sách Nhà nước do Phòng NN&PTNT huyện L quản lý và sử dụng theo ủy quyền của UBND huyện L, nếu để thất thoát thì Phòng NN&PTNT huyện L phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Theo thỏa thuận, sau khi ký HĐ đặt hàng thì khoản kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước đã được Phòng NN&PTNT huyện L tạm ứng trả tiền công bơm bù cho HTX.B.

Theo quy định của pháp luật kế toán thống kê, kể từ khi HTX.B nhận được khoản tạm ứng thì khoản tiền này đã thuộc quyền quản lý và sử dụng của HTX.B. Nếu HTX.B không thực hiện bơm bù đủ khối lượng thì HTX.B phải trả lại số tiền công đã nhận được vượt quá cho Phòng NN&PTNT huyện L để hoàn lại ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp có tranh chấp HĐ đặt hàng thì một hoặc hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm có nhận xét như sau:

Tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thị B, Trần Xuân T, đều thừa nhận đã sử dụng chức vụ là lãnh đạo đơn vị, trực tiếp và chỉ đạo các bị cáo khác là Trần Văn Ch, Trần Văn Đ tạo lập chứng từ khống rút 83.239.000đ là tiền công bơm bù của HTX B được nhận tạm ứng để sử dụng cho cá nhân và chi tiêu vào những nội dung khác. Tương tự, việc Nguyễn Đức D và Trần Xuân T sử dụng chức vụ và quyền hạn của mình giả mạo chứng từ, tài liệu để chiếm đoạt 6.067.000đ của HTX B là tiền phải thanh toán trả tiền công bơm bù cho ông Nguyễn Tuấn Anh. Từ việc chiếm đoạt tiền trên đây của các bị cáo đã dẫn đến việc HTX B không có tiền hoàn trả Phòng NN&PTNT huyện L nộp lại ngân sách nhà nước theo HĐ đặt hàng và thanh toán trả tiền công bơm bù cho ông Nguyễn Tuấn Anh.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị B, Trần Xuân T, Trần Văn Ch, Trần Văn Đ đã phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 280 Bộ luật hình sự năm 1999 như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa. Do có sự thay đổi về tội danh và điều luật áp dụng, cần giảm hình phạt cho các bị cáo là thể hiện sự công bằng của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 382; khoản 5 Điều 388; Điều 393 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng nghị số 19/20QĐ-VC1-HS ngày 22-10-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Sửa một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2018/HSPT ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Bản án hình sự sơ thẩm 78/2017/HSST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam về tội danh và hình phạt chính.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Ngọc Hải, Trần Xuân T, Nguyễn Thị B, Trần Văn Ch, Trần Văn Đ phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-01-2017.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; các điểm p, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-01-2017.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

+ Các bị cáo Trần Xuân T và Nguyễn Thị B mỗi bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

+ Các bị cáo Trần Văn Ch và Trần Văn Đ mỗi bị cáo 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Các nội dung khác trong quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm và Bản án hình sự phúc thẩm trên đây không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L, tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSNG huyện L, tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP-VP; Phòng 1; HS vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Vinh Quang